

Bản án số: **39/2019/HS-PT**

Ngày 01-10-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Sơn.

*Các Thẩm phán:* Ông Hà Văn Chương và ông Ma Hồng Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Ma Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2019/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Ma Văn T**, sinh năm 1996, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn V, sinh năm 1976 và bà Tề Thị N, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Giang Văn Q, luật sư Công ty luật TNHH TYL, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

**\* Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Ông Nông Văn T1, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt tại phiên tòa*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/01/2019, Ma Văn T, sinh năm 1996, trú tại Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995; Triệu Quốc N, sinh năm 1990; Đặng Minh Q, sinh năm 1996; Hoàng Văn K, sinh năm 1984 (đều trú tại xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang) cùng đến nhà anh Nông Văn B, sinh năm 1996, trú tại Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang ăn cơm. Khoảng 21 giờ cùng ngày (sau khi ăn cơm xong) B rủ T và mọi người ra thị trấn N chơi thì được mọi người đồng ý. Sau đó T (không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định) điều khiển xe mô tô của mình nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, biển kiểm soát 22B2 -0052.69, ngồi sau xe T là anh B đi theo hướng đường Quốc lộ 279 đường Na Hang - Hà Giang ra thị trấn N, còn T2, N, Q, K đi xe mô tô theo sau. Khi T điều khiển xe mô tô đi đến Km 118+ 630 thuộc thôn N, xã N, huyện N (đi theo phần đường bên phải) thì thấy xe mô tô của T2 ngồi sau xe là N đi đến, lúc này T quay mặt sang bên trái để nói chuyện với T2, nhưng T vẫn cho xe chạy với tốc độ khoảng 40km/h, khi T quay lại nhìn về phía trước thì do xe T điều khiển đã đi vào phần lề đường (hành lang đường bên phải theo chiều đi), phát hiện phía trước có chướng ngại vật ở lề đường (xô rác, đồng cát, cọc tiêu) nên T đánh lái về phía lòng đường, đồng thời phanh gấp để tránh. Hậu quả: Xe mô tô bị trượt bánh đổ xuống mặt đường, T và B cùng ngã văng ra khỏi xe (lúc này khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày), sau khi bị ngã anh B bị thương tích nặng được đưa vào Bệnh viện đa khoa huyện N cấp cứu, đến ngày 28/01/2019 B chết trên đường chuyển xuống Bệnh viện đa khoa huyện C.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 46/TT19 ngày 15/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Nguyên nhân chết của Nông Văn B do chấn thương trật đốt sống cổ số 3.

***Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:***

Hiện trường của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Là đoạn đường thẳng, mặt đường nhựa, phẳng, tầm nhìn thoáng, mặt đường khô ráo, tại đoạn Km 118+ 630 (Na Hang đi Bắc Quang), Quốc lộ 279, thuộc thôn Nà Kham, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Khám nghiệm theo hướng từ trung tâm xã N đi Na Hang, mặt đường nhựa rộng 4,90mét, lề đường trái rộng 75cm, tiếp giáp là rãnh thoát nước và ta luy dương. Lề đường phải rộng 1,32mét trên lề đường phải có nhiều cỏ dại mọc và một đồng cát, sỏi, đá sạt đến hàng rào nhà ông Hoàng Văn C, Hoàng Văn C1.

Trên hiện trường phát hiện nhiều dấu vết chà xước, cày đất sỏi được đánh số từ 01 đến hết, trên phần đường bên phải theo chiều khám nghiệm tiếp giáp với lề đường phải phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 22B2 - 052.69 bị đổ nằm nghiêng sang phải đầu xe quay hướng chéo vào lòng đường.

Lấy mép đường nhựa bên tiếp giáp lề đường phải theo chiều khám nghiệm làm chuẩn và lấy cột bê tông điện lực hạ thế ký hiệu số 14NK-0 nằm ở phía bên phải đường làm vật chuẩn (đo mặt ngoài cao cách mặt đất 01mét).

Dấu vết số 01: Là dấu vết chà, cày, miết trên nền cỏ và mặt đất nằm trên lề đường phải, dấu vết 01 có chiều theo chiều hướng khám nghiệm, có kích thước dài, rộng 4,10mét x 10cm. Tâm điểm đầu dấu vết 01 nằm ở ngoài mép đường nhựa phải 15cm, tâm điểm cuối dấu vết 01 cách mép đường nhựa phải 92cm. Đo từ tâm điểm đầu dấu vết 01 hướng theo chiều hướng khám nghiệm trên lề đường phải 4,10mét phát hiện 01 vết bung cát không rõ hình có kích thước dài 1,45mét x rộng 75cm (làm phần cát xô sang hai bên) được đánh số ký hiệu dấu vết 02. Từ tâm điểm đầu dấu vết 02 nằm cách mép đường nhựa phải 01mét, từ tâm điểm cuối dấu vết 02 nằm cách mép đường nhựa phải 80cm. Từ tâm điểm đầu vết 01 đo theo lề đường bên phải 5,93 phát hiện 01 (một) vết cày bung đất, cát, sỏi có chiều hướng theo chiều khám nghiệm từ lề đường phải về phía lòng đường được đánh số ký hiệu 03, vết 03 kéo dài đứt quãng, điểm cuối dấu vết số 03 nằm trên mặt đường nhựa bên phải chà, miết theo chiều hướng khám nghiệm, có kích thước dài 3,14mét x rộng 30cm, sâu 2,5 cm, phần cuối dấu vết số 03 nằm trên mặt đường nhựa có kích thước 1,07mét. Tâm điểm đầu dấu vết số 03 nằm ngoài mép đường nhựa phải, cách mép đường nhựa phải là 92cm, tâm điểm cuối dấu vết 03 cách mép đường nhựa phải 60cm.

Từ tâm điểm đầu dấu vết 01 đo chệch chéo sang trái hướng lòng đường theo chiều khám nghiệm 8,90 mét phát hiện 01 dấu vết chà xước mặt đường nhựa kéo dài đứt quãng kết thúc tại mặt ngoài ống bô xả khói xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69, được đánh số ký hiệu 04. Dấu vết 04 có kích thước dài 4,94mét x rộng 37cm. Trong đó điểm đầu dấu vết 04 cách mép đường nhựa phải 54cm, điểm cuối dấu vết 04 cách mép đường nhựa phải 73 cm.

Từ điểm đầu dấu vết 01 đo chệch chéo sang trái về phía lòng đường theo hướng khám nghiệm 10,20mét phát hiện một vết cày đứt quãng trên mặt đường nhựa, được đánh số ký hiệu dấu vết 05. Dấu vết 05 kết thúc tại chân phanh phía sau xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69, có kích thước dài 4,13mét x rộng 02cm x sâu 0,01cm. Trong đó điểm đầu dấu vết 05 cách mép đường nhựa phải 72cm, điểm cuối vết cách mép đường nhựa phải 1,54mét.

Tiến hành đo từ điểm đầu vết 01 chệch chéo sang trái về phía lòng đường theo hướng khám nghiệm đến vị trí gác để chân trước bên trái của xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 là 14,10 mét, xe mô tô nằm đổ nghiêng phải đầu xe quay chệch chéo hướng lòng đường về phía Na Hang, đuôi xe quay chệch chéo lề đường phải. Từ trục sau bên phải xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 đo sang mép đường bên phải là 90cm. Từ trục trước phải xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 đo sang mép đường bên phải 2,10mét.

Từ tâm điểm đầu dấu vết 01 đo đến trục sau bên trái xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 là 13,78mét. Từ tâm điểm đầu dấu vết 01 đo đến điểm ngoài trục trước bên trái xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 là 14,62mét.

Từ vật chuẩn đo sang mép đường nhựa bên phải theo chiều hướng khám nghiệm là 3,70mét:

+ Từ điểm đầu dấu vết 01 đo đến vật chuẩn là 20,14mét;

+ Từ điểm cuối vết 01 đo đến vật chuẩn là 16,15mét;  
+ Từ điểm đầu vết 02 đo đến vật chuẩn là 16,15mét;  
+ Từ điểm cuối vết 02 đo đến vật chuẩn là 14,82mét.  
+ Từ điểm đầu vết 03 đo đến vật chuẩn là 14,24mét;  
+ Từ điểm cuối vết 03 đo đến vật chuẩn là 12,08mét;  
+ Từ điểm đầu vết 04 đo đến vật chuẩn là 11,92mét;  
+ Từ điểm cuối vết 04 đo đến vật chuẩn là 7,60mét;  
+ Từ điểm đầu vết 05 đo đến vật chuẩn là 10,78mét;  
+ Từ điểm cuối vết 05 đo đến vật chuẩn là 7,63mét;  
+ Từ trục trước bên trái xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 đo đến vật chuẩn là 7,80mét;  
+ Từ trục sau bên trái xe mô tô BKS: 22B2 - 052.69 đo đến vật chuẩn là cách trục sau trái là 7,66mét.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

**Tuyên bố:** Bị cáo **Ma Văn T** phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Văn T 03 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*". Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Ma Văn T phải bồi thường cho gia đình bị hại Nông Văn B do ông Nông Văn T1 làm đại diện tổng số tiền là 114.400.000đ (trong đó tiền mai táng phí là 25.000.000đ và tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 89.400.000đ. Trừ đi số tiền 6.000.000đ bị cáo đã bồi thường trước cho gia đình bị hại, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 108.400.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, bị cáo Ma Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, giảm mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử

phạt bị cáo Ma Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 17.000.000đ và được người đại diện gia đình bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cần tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Văn T 02 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Đối với kháng cáo xin giảm mức bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền 108.400.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm được 17.000.000đ và người đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí giảm cho bị cáo 10.000.000đ trong tổng số tiền cấp sơ thẩm đã xử buộc bị cáo, như vậy số tiền bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường là  $(108.400.000đ - 17.000.000đ - 10.000.000đ) = 81.400.000đ$ , bị cáo nhất trí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường dân sự theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo, căn cứ các Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 81.400.000đ, sửa án phí dân sự có giá ngạch.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí tội danh, điều luật như luận tội của Kiểm sát viên đã trình bày. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Ma Văn T nhất trí luận cứ của Luật sư, không có ý kiến tranh luận và bổ sung gì thêm. Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo, giảm mức bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ma Văn T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/01/2019, tại Km118+630 đường Quốc lộ 279 (thuộc thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang) Ma Văn T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B2 - 052.69 chở anh Nông Văn B (tên gọi khác Ma Văn B), sinh năm 1996, trú tại Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang do không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát đã gây tai nạn làm anh Nông Văn B ngồi sau chết do chấn thương trật đốt sống cổ số 3.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của giao thông đường bộ. Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển phương tiện, do không làm chủ tốc độ, thiếu chú ý quan sát dẫn đến bị đổ xe, hậu quả anh Nông Văn B ngồi phía sau chết là do lỗi của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ma Văn T về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới: đã bồi thường thêm cho gia đình bị hại được 17.000.000đ; được người đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét nhân thân, tính chất phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bị cáo và bị hại có quan hệ anh em trong gia đình, việc bị cáo điều khiển phương tiện chở anh B ngồi sau bị tai nạn dẫn đến tử vong là rủi ro nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Do vậy thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm mức bồi thường dân sự:

Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc bị cáo Ma Văn T phải bồi thường cho gia đình bị hại Nông Văn B (do ông Nông Văn T1 làm người đại diện) tổng số tiền là 114.400.000đồng (trong đó tiền mai táng phí là 25.000.000đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 89.400.000đồng), trừ đi số tiền 6.000.000đồng bị cáo đã bồi thường trước cho gia đình bị hại, buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 108.400.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Xong, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bị hại thừa nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm được 17.000.000đ, tại

phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí giảm cho bị cáo 10.000.000đ trong tổng số tiền cấp sơ thẩm đã xét xử (108.400.000đ - 17.000.000đ - 10.000.000đ), đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường tiếp tổng số tiền là 81.400.000đ. Xét sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, cần công nhận sự thỏa thuận trên. Do bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường dân sự, do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi dân sự và án phí có giá ngạch cho phù hợp.

[4] Bị cáo Ma Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ma Văn T về phần hình phạt tù và giảm mức bồi thường dân sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt tù, trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí có giá ngạch như sau:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ma Văn T **02**(hai) năm**06** (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự như sau: Bị cáo Ma Văn T phải bồi thường các khoản chi phí hợp lý trong quá trình cấp cứu, điều trị, mai táng phí và tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại Nông Văn B (do ông Nông Văn T1 làm đại diện hợp pháp nhận) tổng số tiền là 81.400.000đồng(*Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

*Khoản tiền bồi thường kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Về án phí:* Bị cáo Ma Văn T phải chịu 4.070.000đ (*Bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Ma Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01/10/2019).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- CQCSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh T.Quang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Thanh Sơn**